

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán,

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động, kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô năm 2021, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2022 như sau:

**PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

**I. Tình hình nhân sự Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên được bầu từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 - 2021:

1. Ông Lê Việt Hùng - Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 22/4/2021)
2. Bà Nguyễn Thị Hằng – Trưởng Ban (được bầu ngày 22/4/2021)
3. Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung – Thành viên (tham gia ngày 22/4/2021)
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thành viên

**II. Các hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2021**

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp (01 cuộc họp trực tiếp và 03 cuộc họp trực tuyến) với các nội dung chính: thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2022; lập chương trình, nội dung cụ thể cho các đợt kiểm tra, đánh giá; thảo luận, thống nhất nội dung kết quả các đợt kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Công ty, hoàn thiện Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021; thảo luận, thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2022;

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Tham gia góp ý về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty đối với HĐQT, Ban Điều hành.

- Thường xuyên giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ áp dụng trong Công ty của HĐQT và Ban điều hành.

### **III. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát**

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế Ban Kiểm soát Công ty.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo phân công một cách nghiêm túc, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi, hỗ trợ các thành viên còn lại để thực hiện công việc đạt kết quả khách quan, hiệu quả.

- Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra của cổ đông.

- Thông qua quá trình kiểm tra, rà soát, Ban Kiểm soát đã có một số kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành Công ty về việc điều chỉnh một số nội quy, quy định cho phù hợp với sự thay đổi của quy định pháp luật, tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty trong các lĩnh vực như công tác tài chính kế toán, công tác tiền lương, việc thực hiện quy chế quản trị nội bộ trong Công ty và khuyến nghị Hội đồng quản trị, Ban Điều hành tăng cường kiểm soát chặt chẽ quá trình thực hiện các quy chế, nội quy đã ban hành. Hầu hết các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Điều hành tiếp thu, điều chỉnh kịp thời trong năm 2021.

### **IV. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021**

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: hưởng lương theo chế độ của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô.

- Đối với các kiểm soát viên không chuyên trách: hưởng thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã thông qua.

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: Tuân thủ theo quy định và quy chế nội bộ của Công ty.

## **PHẦN 2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021**

### **I. Kết quả giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp để bàn về việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự và công tác tái cơ cấu doanh nghiệp có vốn góp nhằm thực hiện kế hoạch ĐHĐCĐ giao và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Tại các cuộc họp cũng như trao đổi qua thư tín, các thành viên HĐQT đã góp ý kiến xây dựng hoặc phản biện về các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT nhằm đưa ra những định hướng, chủ trương đúng đắn, phù hợp với tình hình phát triển chung của Công ty và sự biến động của các yếu tố khách quan.

- Trên cơ sở nội dung các cuộc họp và thông qua việc xin ý kiến bằng văn

bán, HĐQT đã ban hành 06 nghị quyết. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành đều đúng thẩm quyền, phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và các công việc HĐQT giao cho Ban Điều hành triển khai; thường xuyên tham dự các buổi họp giao ban SXKD, giao ban định kỳ hàng tháng do Ban điều hành chủ trì để có những chỉ đạo kịp thời; chỉ đạo Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp để tăng cường năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất để duy trì khách hàng và mở rộng thị phần, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn nhằm đạt các mục tiêu đề ra.

- Việc thực hiện công bố thông tin được HĐQT chỉ đạo thực hiện tuân thủ quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- HĐQT cần tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò quan trọng của mình trong công tác hoạch định chiến lược dài hạn đối với hoạt động của Công ty để từng bước đạt được các mục tiêu đã đặt ra.

**Kiểm nghị của Ban kiểm soát:** Đề nghị HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện các quy chế, nội quy nội bộ phù hợp với sự thay đổi pháp luật; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các quy định phân cấp, phân quyền trong Công ty.

## **II. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Điều hành**

Trong năm 2021, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để đạt mục tiêu do ĐHCĐ giao, cụ thể:

- Trong năm Ban Điều hành đã rà soát việc sửa đổi, xây dựng nhiều quy định nội bộ; ban hành hoặc trình HĐQT ban hành các quy chế, nội quy phục vụ công tác quản trị, điều hành, khai thác theo hướng minh bạch và hiệu quả hơn như: Nội quy lao động/Quy định Quản lý văn phòng/Quy định về thể thức văn bản/Quy định về Quản lý khai thác đội tàu/Quy định về quản lý, tuyển dụng và đãi ngộ thuyền viên/Quy định về Quản lý kỹ thuật đội tàu (ban hành kèm theo các Quyết định số 87-93/QĐ-TGD ngày 01/10/2021 của Tổng giám đốc điều hành);

- Trước sự phục hồi của thị trường nửa cuối năm 2021, Ban Điều hành đã cố gắng chỉ đạo tìm kiếm nguồn hàng/khách hàng cho đội tàu, hạn chế thấp nhất tình trạng tàu phải nằm chờ hàng, đồng thời, cố gắng duy trì tình trạng kỹ thuật đội tàu ổn định để đáp ứng yêu cầu khai thác tàu cũng như yêu cầu của cơ quan đăng kiểm và các chính quyền cảng. Các biện pháp tiết kiệm chi phí tiếp tục được đưa ra, đặc biệt là tiết kiệm chi phí cho đội tàu.

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính là vận tải biển, Ban lãnh đạo Công ty cũng quan tâm phát triển các mảng dịch vụ mở rộng như thuê tàu ngoài. Dịch vụ trên mặc dù đã đem lại doanh thu, lợi nhuận tăng thêm cho Công ty trong năm 2021 (293 triệu đồng). Tuy nhiên, lợi nhuận đem lại chưa cao. Đề nghị Công ty đánh giá thực trạng và đẩy mạnh hoạt động này trong năm 2022 nhằm gia tăng lợi nhuận cho công ty.

- Hoạt động của Chi nhánh Hải Phòng vẫn rất khó khăn do các nguyên nhân

khách quan và chủ quan. Vì vậy, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty và Chi nhánh sớm có các biện pháp hiệu quả hơn để ứng phó phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn Công ty.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên toàn Công ty.

- Bản Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành Công ty là khá đầy đủ và đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm hoạt động.

*Kiến nghị của Ban kiểm soát:*

- Đẩy mạnh hoạt động thuê tàu ngoài để tăng cường năng lực cho đội tàu phục vụ vận chuyển hàng hóa cho các dự án, đồng thời mở rộng thêm các loại hình dịch vụ khác nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

- Tận dụng cơ hội thị trường, có giải pháp quản lý dòng tiền của Công ty để có nguồn tài chính phục vụ nhu cầu cơ cấu nợ và đầu tư phát triển dài hạn.

- Giám sát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu của Công ty không để bị chiếm dụng vốn và phát sinh rủi ro.

### **III. Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Điều hành với Ban Kiểm soát**

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban Điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác.

- Hầu hết các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành đều được ghi nhận và được điều chỉnh trong quá trình ra các nghị quyết, quyết định và triển khai thực hiện trong năm.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành góp phần tăng cường hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong Công ty.

## **PHẦN 3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021**

### **1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021**

#### **1.1. Nhận xét chung về Báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

- Đơn vị kiểm toán cơ bản thống nhất các số liệu với BCTC năm 2021 do Công ty lập. Tuy nhiên, đơn vị kiểm toán tiếp tục đưa ra 02 ý kiến ngoại trừ (lưu ý) như sau:

Ý kiến thứ nhất, "Từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân Hàng TMCP<sub>4</sub>

PVcomBank (Ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân Hàng TMCP Hàng Hải) và tạm dừng trích lãi vay phải trả ngân hàng đối với khoản nợ vay thế chấp là tàu Đông Mai cũng như khấu hao TSCĐ đối với con tàu này với số lãi vay và khấu hao TSCĐ tương ứng là 713.695.304 đồng và 718.202.444 đồng. Giá trị khoản gốc vay, lãi vay phải trả: 291.030.252.528 đồng đang được theo dõi trên tài khoản Phải trả khác và giá trị còn lại của tàu Đông Mai: 158.710.066.366 đồng hiện đã được theo dõi trên tài khoản Phải thu khác.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các hồ sơ có liên quan đến việc xử lý khoản nợ vay này (ngoài Biên bản bàn giao tài sản nêu trên) từ phía ngân hàng cho vay, nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về việc tạm dừng trích khấu hao, chi phí lãi vay phải trả và nguyên giá tài sản cố định như Công ty đang thực hiện”,

Nguyên nhân của ý kiến này, mặc dù Công ty DDM đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Ngân hàng thu xếp thời gian giải quyết dứt điểm tồn tại trên, nhưng cho đến nay hai bên vẫn chưa thống nhất được việc xác định lại giá trị tàu Đông Mai. Do đó, Công ty vẫn chưa có các hồ sơ liên quan làm căn cứ kèm theo Báo cáo tài chính năm 2021.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban Lãnh đạo Công ty tiếp tục đề nghị Ngân hàng PVcomBank phối hợp để giải quyết dứt điểm việc này.

Ý kiến thứ hai, “Số lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là: 923.251.176.030 đồng, nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021 là: 1.395.431.601.972 đồng vượt quá tổng tài sản 608.550.798.384 đồng với số tiền là 786.880.803.588 đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu vốn”.

Về ý kiến này, kể từ năm 2008 - 2010 đến nay, hai nguyên nhân chủ yếu gây nên thua lỗ của Công ty nói riêng và các công ty vận tải biển khác nói chung là:

Thứ nhất, thị trường vận tải biển sụt giảm rất mạnh (từ năm 2008 đến nay, chỉ số BDI của ngành vận tải biển có thời điểm giảm đến 90%) làm doanh thu công ty sụt giảm rất mạnh, trong khi đó các chi phí của doanh nghiệp không những không giảm mà còn có một số khoản mục bị tăng thêm, dẫn đến nguồn thu không đủ bù đắp chi phí.

Thứ hai, phần lớn các con tàu của Công ty có vốn đầu tư lớn và được đầu tư bằng vốn vay USD. Trong nhiều năm qua, tỷ giá VNĐ/USD hàng năm đều được Ngân hàng nhà nước điều chỉnh tăng, gây nên một số lỗ chênh lệch tỷ giá lớn, ảnh hưởng tới kết quả SXKD của Công ty. Mặt khác, tiền khấu hao tài sản cố định hàng năm cũng rất lớn (từ khoảng 55 tỷ đến 75 tỷ đồng/năm), lãi vay ngân hàng phát sinh nhiều (khoảng 30 tỷ hàng năm). Những nguyên nhân đó đã gây ra số lỗ lũy kế nêu trên. Tuy nhiên, dòng tiền trong SXKD của Công ty vẫn là số dương (+) nên Công ty vẫn tiếp tục hoạt động bình thường, chờ cơ hội vượt qua khó khăn.

1.2. Một số chỉ tiêu về tài sản nguồn vốn và chỉ tiêu tài chính năm 2021

1.2.1 Một số chỉ tiêu về nguồn vốn năm 2021

Tình hình tài sản nguồn vốn của Công ty trên bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2021
A	<b>Tài sản</b>	598,106,277,374	608,550,798,384	608,704,695,380	620,333,006,830
I	Tài sản ngắn hạn	74,767,508,738	108,892,480,863	82,403,495,843	117,383,256,350
II	Tài sản dài hạn	1,337,258,660,608	1,286,539,121,109	1,337,258,660,608	1,286,539,121,109
B	<b>Nguồn vốn</b>	598,106,277,374	608,550,798,384	608,704,695,380	620,333,006,830
I	I. Nợ phải trả	1,412,026,169,346	1,395,431,601,972	1,419,662,156,451	1,403,922,377,459
1	Nợ ngắn hạn	74,767,508,738	108,892,480,863	82,403,495,843	117,383,256,350
2	Nợ dài hạn	1,337,258,660,608	1,286,539,121,109	1,337,258,660,608	1,286,539,121,109
II	Vốn chủ sở hữu	(813,919,891,972)	(786,880,803,588)	(810,957,461,071)	(783,589,370,629)
1	Vốn góp của chủ sở hữu	122,444,950,000	122,444,950,000	122,444,950,000	122,444,950,000

### 1.2.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty mẹ năm 2021

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
I	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	88.82%	76.35%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	11.18%	23.65%
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	236.08%	229.30%
	- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	-136.08%	-129.30%
II	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	0.42	0.44
2	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.89	1.32
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.81	1.19

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn còn rất khó khăn, tuy nhiên do sự phục hồi của thị trường vận tải biển, các chỉ số về vốn và khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 đã được cải thiện theo chiều hướng tốt hơn.

### 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Sản lượng hàng thông qua	Tấn	678.702	670.000	673.685	99,26%	100,55%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,652	222,04	336,938	161,48%	151,74%
Chi phí	Tỷ đồng	280,864	285,79	308,235	109,75%	107,85%

CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-72,212	-63,752	28,702	-	-
Ebitda	Tỷ đồng	13,61	29,497	115,383	847,78%	391,17%

(Theo BCTC hợp nhất của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô)

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Theo kế hoạch năm 2021, Công ty phấn đấu cân bằng chỉ tiêu lợi nhuận, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 28,702 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Để có kết quả đó, ngoài lý do thị trường vận tải tàu hàng khô tăng trưởng mạnh trong năm, công ty đã tận dụng được cơ hội thị trường, chủ động đấu tranh đàm phán hợp đồng với người thuê tàu để giá cước cho đội tàu nên nửa cuối năm 2021, giá cước các tàu đã tăng khá tốt, gia tăng doanh thu cho Công ty còn là nỗ lực của Công ty trong việc thay đổi linh hoạt các hình thức khai thác tàu.

### 3. Về lao động, tiền lương, thù lao

#### 3.1. Tình hình lao động

Đến 31/12/2021, toàn Công ty có 226 lao động (giảm 13 người so với 31/12/2020), trong đó:

- Cơ quan Công ty: 44 người;
- Thuyền viên: 151 người;
- Chi nhánh TP. HCM: 02 người;
- Chi nhánh Hải Phòng: 31 người.

Trong năm 2021, Công ty không tuyển thêm người mới, số lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động là 13 người.

#### 3.2. Thu nhập:

Công ty chi trả tiền lương theo quy định của Công ty và đóng BHXH cho NLD đúng theo quy định của nhà nước. Thu nhập bình quân toàn Công ty 19,6 triệu đồng/người/tháng.

3.3. Tình hình chi trả thù lao: Công ty thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

TT	Chức danh	Số thành viên	Tổng chi trả mức thù lao
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	57.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	4	180.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	3	90.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>327.000.000</b>

#### 4. Đầu tư vào các doanh nghiệp có vốn góp

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 4 khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, cụ thể:

- Tại Công ty cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô - DongDo (CMC): Công ty đang duy trì tỷ lệ góp vốn là 2,52 tỷ đồng (chiếm 72% số vốn điều lệ). Hiện nay, CMC vẫn đang hoạt động đạt hiệu quả, mang lại lợi tức cho Công ty.

- Tại các Công ty: VDS, DHP Lines, DMDC đều đã dừng hoạt động. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào các Công ty nêu trên với tỷ lệ 100% vốn thực góp.

#### 5. Các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã giao:

Mặc dù Công ty đã có nhiều cố gắng để thực hiện các mục tiêu do ĐHĐCĐ giao cho, tuy nhiên, vẫn còn một số nhiệm vụ chưa thực hiện xong, cụ thể:

- Chưa thực hiện xong việc thoái vốn/giải thể/phá sản tại Công ty DMDC, DHP Lines và VDS;

- Việc đàm phán tái cơ cấu nợ tại các tổ chức tín dụng chưa có kết quả cụ thể.

- Chưa thống nhất xong với Ngân hàng PVcomBank về việc xác định giá trị tàu Đông Mai sau khi bàn giao để ghi sổ kế toán đối với khoản vay đầu tư tàu này.

#### 6. Về các giao dịch nội bộ

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty/công ty con/công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị/Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có

#### IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ KHÁC:

- Đề nghị HĐQT/BĐH Công ty sớm thống nhất với Ngân hàng Pvcombank về việc xác định giá trị tàu Đông Mai để phù hợp với các quy định hiện hành về xác nhận công nợ đồng thời để kiểm toán viên có cơ sở đưa ý kiến ngoại trừ ra khỏi BCTC của Công ty;

- Công ty đã có chủ trương giải thể/phá sản/thoái vốn tại các doanh nghiệp thuộc danh mục tái cơ cấu, đề nghị Công ty lựa chọn thời điểm phù hợp thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã giao.

- Nhằm tạo sự công bằng, khuyến khích và tạo động lực giúp mỗi lao động Công ty phát huy tối đa khả năng của mình trong công việc, đóng góp cho sự phát triển của chung, Công ty xem xét việc xây dựng quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, đảm bảo tiền lương cho người lao động phản ánh đúng tính chất, tính trách nhiệm trong công việc của người lao động.

#### PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022

Căn cứ vào hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch sản xuất



kinh doanh năm 2022, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2022 cụ thể như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thẩm tra, giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Tiến hành thẩm tra các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2021, giám sát tình hình thực hiện thoái vốn/giải thể các các doanh nghiệp có vốn góp;

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có nội dung liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hàng hải Đông Đô năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Kính chúc quý vị Đại biểu và Quý cổ đông sức khỏe và bình an.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Lưu: BKS, Thư ký Công ty.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND  
 Số đầu năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>156.730.669.721</b>	<b>78.323.033.061</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>54.808.145.146</b>	<b>7.129.578.359</b>
111	1. Tiền		54.808.145.146	7.129.578.359
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>20.171.153.940</b>	<b>20.171.153.940</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	20.171.153.940	20.171.153.940
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>55.916.839.896</b>	<b>35.976.274.166</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	35.397.103.881	25.223.953.951
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	9.271.761.765	750.452.144
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	.a	-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	11.247.974.250	10.001.868.071
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	-	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>13.977.315.694</b>	<b>6.100.208.630</b>
141	1. Hàng tồn kho		13.977.315.694	6.100.208.630
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.857.215.045</b>	<b>8.945.817.966</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.a	630.428.551	674.263.784
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.224.794.628	8.269.562.316
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nư	17	1.991.866	1.991.866

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>463.602.337.109</b>	<b>530.381.662.319</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>181.807.801.345</b>	<b>182.837.464.375</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5.b	4.854.671.570	5.677.727.870
212	2. Trà trước cho người bán dài hạn	6.b	642.208.974	554.985.668
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	7.b	178.102.023.415	178.395.853.451
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	8	(1.791.102.614)	(1.791.102.614)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>270.139.565.313</b>	<b>326.487.015.859</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	270.139.565.313	326.487.015.859
222	- Nguyên giá		1.107.148.609.425	1.107.514.224.663
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(837.009.044.112)	(781.027.208.804)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		30.000.000	30.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>174.016.364</b>	<b>174.016.364</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		174.016.364	174.016.364
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.480.954.087</b>	<b>20.883.165.721</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11.b	11.480.954.087	20.883.165.721
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>620.333.006.830</b>	<b>608.704.695.380</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Tiếp theo)**

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Đơn vị tính: VND Số đầu năm</b>
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.403.922.377.459</b>	<b>1.419.662.156.451</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>117.383.256.350</b>	<b>82.403.495.843</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.a	7.714.818.254	9.265.118.631
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.a	1.000	333.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.a	1.708.088.726	1.815.572.409
314	4. Phải trả người lao động		15.757.415.345	12.229.052.715
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		10.080.157.044	6.593.452.358
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19.a	1.373.160.620	1.552.080.161
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.a	80.748.371.451	50.946.642.659
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.243.910	1.243.910
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.286.539.121.109</b>	<b>1.337.258.660.608</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15.b	13.607.468.409	8.375.827.058
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	16.b	1.869.228.112	1.869.228.112
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	18.b	493.262.434.067	462.114.441.582
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	19.b	298.031.252.037	298.250.680.884
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.b	479.768.738.484	566.648.482.972

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		(783.589.370.629)	(810.957.461.071)
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	(783.589.370.629)	(810.957.461.071)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.444.950.000	122.444.950.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.444.950.000	122.444.950.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.621.485.000	4.621.485.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		720.000.000	720.000.000
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(30.000)	(30.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		9.303.967.442	9.303.967.442
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(922.665.344.300)	(949.661.314.165)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(949.941.314.165)	(876.566.312.831)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		27.275.969.866	(73.095.001.335)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.985.601.229	1.613.480.652
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>620.333.006.830</b>	<b>608.704.695.380</b>

Người lập biểu




Trần Kim Ân

Trưởng phòng tài chính - kế toán



Trần Sỹ Khánh

Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2022  
  
 Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Duy Luân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	327.997.598.363	204.323.343.957
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		327.997.598.363	204.323.343.957
11	4. Giá vốn hàng bán	23	255.000.427.759	228.128.148.077
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		72.997.170.604	(23.804.804.120)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.348.865.643	1.932.705.802
22	7. Chi phí tài chính	25	31.313.175.485	33.992.589.706
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		31.313.175.485	33.328.785.332
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.034.840.495	18.141.596.618
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		26.998.020.267	(74.006.284.642)
31	12. Thu nhập khác	28	2.591.269.320	2.395.928.758
32	13. Chi phí khác	29	886.893.570	602.064.418
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		1.704.375.750	1.793.864.340
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		28.702.396.017	(72.212.420.302)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	375.790.297	330.169.480
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		28.326.605.720	(72.542.589.782)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		27.954.485.144	(72.861.001.335)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		372.120.576	318.411.553
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.283	(5.951)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính - kế toán




Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh



Nguyễn Duy Luân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Phương pháp gián tiếp

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	28.702.396.017	(72.212.420.302)
	2. Điều chỉnh cho các khoản	81.154.487.661	87.947.933.896
02	- Khấu hao tài sản cố định	56.347.450.546	56.399.879.422
03	- Các khoản dự phòng		-
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(5.328.897.564)	340.156.762
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.177.240.806)	(2.120.887.620)
06	- Chi phí lãi vay	31.313.175.485	33.328.785.332
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>109.856.883.678</b>	<b>15.735.513.594</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(21.395.331.698)	3.554.611.027
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(7.877.107.064)	823.048.999
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	10.238.233.427	-2.454.887.698
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	9.446.046.867	(9.780.757.218)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		
14	- Tiền lãi vay đã trả	(165.183.000)	(171.225.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(312.855.725)	(369.440.568)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(678.515.278)	(234.000.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>99.112.171.207</b>	<b>7.102.863.136</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH		
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	157.272.727	188.181.818
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(20.000.000.000)	(171.153.940)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	20.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	888.022.873	1.932.705.802
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>1.045.295.600</b>	<b>1.949.733.680</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Tiếp theo)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	800.000.000	1.350.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(51.277.400.000)	(18.467.316.577)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(280.000.000)	
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(50.757.400.000)</b>	<b>(17.117.316.577)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>49.400.066.807</b>	<b>(8.064.719.761)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>7.129.578.359</b>	<b>15.534.454.882</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.721.500.020)	(340.156.762)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>54.808.145.146</b>	<b>7.129.578.359</b>

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính - kế toán




Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Duy Luân

